

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ C
TỈNH CAO BẰNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 49/2025/HS-ST
Ngày: 08/5/2025

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ C - TỈNH CAO BẰNG**

Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hoàng Thị Hoài Anh

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Vũ Kim Hoa

Bà Nông Thị Duyên

Thư ký phiên tòa: Bà Nông Triệu Bảo Ngọc - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố C, tỉnh Cao Bằng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố C, tỉnh Cao Bằng tham gia phiên tòa: Bà Mã Thị Thu- Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 5 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố C, tỉnh Cao Bằng, Tòa án nhân dân thành phố C xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 30/2025/TLST-HS ngày 14 tháng 3 năm 2025 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 85/2025/QĐXXST-HS ngày 25 tháng 4 năm 2025 của Tòa án nhân dân thành phố C, tỉnh Cao Bằng đối với bị cáo:

Trần Bế H; Tên gọi khác: Không; Giới tính: Nam; Sinh ngày 25 tháng 11 năm 1990 tại huyện Thạch An, tỉnh Cao Bằng; Hộ khẩu thường trú: Xóm T, xã C1, huyện T1, tỉnh Cao Bằng; Nơi ở hiện nay: Tổ 01, phường Đ, thành phố C, tỉnh Cao Bằng; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Tày; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 09/12; Con ông: Trần Bế Th, sinh năm 1961; Con bà: Quách Thị Th1, sinh năm: 1963; Vợ: Trương Thị L, sinh năm 1991; con: 01 con, sinh năm 2014. Anh, em ruột: Bị cáo là con duy nhất trong gia đình; Tiền án: Không; Tiền sự: Không.

Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú và tạm hoãn xuất cảnh kể từ ngày 24/12/2024 đến nay. Có mặt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Phạm Thị M, sinh năm 1992

Đăng ký hộ khẩu thường trú: Xóm Y, xã Y1, huyện Đ1, tỉnh Thái Nguyên;
Nơi ở hiện nay: Tổ 02, phường Đ, thành phố C, tỉnh Cao Bằng. Vắng mặt.

- Đinh Minh H2, sinh năm 1994

Trú tại: Tổ 20, phường S, thành phố C, tỉnh Cao Bằng; Vắng mặt.

- Bùi Thị Ánh N, sinh năm 1986

Trú tại: Tổ 09, thị trấn N, huyện A, tỉnh Cao Bằng. Vắng mặt.

Người làm chứng:

- Trương Thị L, sinh năm 1991

Trú tại: Tổ 01, phường Đ, thành phố C, tỉnh Cao Bằng. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào hồi 02h15' ngày 17/12/2024, tại Nhà nghỉ Nthuộc tổ 01, phường Đ, thành phố C, tỉnh Cao Bằng. Đội Cảnh sát hình sự, Công an thành phố C phát hiện, bắt quả tang tại phòng số 403 có hai đối tượng là Phạm Thị M (*Sinh năm 1992, HKTT: huyện Đ1, tỉnh Thái Nguyên*) và Đinh Minh H2 (*Sinh năm: 1994; HKTT: Tổ 20, phường S, thành phố C*) đang có hành vi mua bán dâm. Vật chứng thu giữ: 01 (*một*) bao cao su chưa qua sử dụng, vỏ màu xám vàng, thu trên giường trong phòng nghỉ 403; Số tiền 1.000.000,đ (*một triệu đồng*) thu giữ trên mặt bàn ở góc phòng nghỉ 403; 01 (*một*) điện thoại di động đã qua sử dụng nhãn hiệu Iphone 7 Plus màu vàng; 01 (*một*) điện thoại di động đã qua sử dụng nhãn hiệu Huawei Mate 20 Pro màu xanh đen.

Hồi 03h20' ngày 17/12/2024, Công an thành phố C tiến hành khám xét khẩn cấp người, chỗ ở của Trần Bế H tại Nhà nghỉ N thuộc tổ 01, phường Đ, thành phố C. Quá trình khám xét phát hiện và thu giữ: 01 (*một*) giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, hộ kinh doanh; 01 (*một*) giấy chứng nhận đủ điều kiện về an ninh, trật tự; 05 (*năm*) bao cao su nhãn hiệu Condom hualei, chưa sử dụng; 01 (*một*) bao cao su nhãn hiệu Ok chưa sử dụng; 01 (*một*) quyển sổ ghi thông tin khách thuê phòng; 01 (*một*) điện thoại đã qua sử dụng nhãn hiệu Samsung SM-J6, màu xanh; 01 (*một*) ví da màu nâu, bên trong có 01 (*một*) tờ tiền mệnh giá 200.000,đ (*hai trăm nghìn đồng*); 01 (*một*) căn cước công dân mang tên Trần Bế H; 01 (*một*) thẻ nhớ 4GB màu đen.

Quá trình điều tra xác định: Khoảng 01 giờ 30 phút ngày 17/12/2024 Đinh Minh H2 đến nhà nghỉ N thuộc tổ 01, phường Đ, thành phố C tìm gái bán dâm để

quan hệ tình dục thỏa mãn nhu cầu của bản thân. Tại đây, H2 nói với chủ nhà nghỉ là Trần Bé H nội dung: “*Anh gọi cho em một đứa nhân viên*”, đồng thời đưa cho H 200.000,đ (*hai trăm nghìn đồng*) tiền công. H hiểu là H2 muốn tìm gái bán dâm để quan hệ tình dục nên bảo H2 lên phòng 403 đợi. Sau đó H nhắn tin qua ứng dụng Zalo bảo Phạm Thị M đến nhà nghỉ N để quan hệ tình dục với H2. H và M thống nhất, tiền mua dâm khách trực tiếp trả cho M và sau khi bán dâm M sẽ đưa lại cho H số tiền 100.000đ (*một trăm nghìn đồng*). M đồng ý rồi đến nhà nghỉ và đi lên phòng 403. Tại đây M và H2 thỏa thuận giá một lần quan hệ tình dục là 600.000đ (*sáu trăm nghìn đồng*). H2 đưa cho M 1.000.000,đ (*một triệu đồng*) nhưng do chưa có tiền để trả lại nên M để một triệu đồng trên bàn ở góc phòng nghỉ rồi nhắn tin cho H chút nữa mang tiền lẻ lên để M bù cho khách. Khi cả hai bắt đầu quan hệ tình dục thì bị Cơ quan Công an đến kiểm tra, bắt quả tang, thu giữ toàn bộ vật chứng như đã nêu ở trên.

Hành vi của bị cáo đã bị Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố C lập hồ sơ đề nghị truy cứu trách nhiệm hình sự về tội “*Chứa mại dâm*” quy định tại khoản 1 Điều 327 Bộ luật Hình sự.

Tại bản Cáo trạng số 30/CT-VKSTP ngày 11/3/2025 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố C đã truy tố Trần Bé H về tội “*Chứa mại dâm*” quy định tại khoản 1 Điều 327 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, bị cáo khai nhận hành vi phạm tội đúng như Cáo trạng đã truy tố. Bị cáo có hành vi sử dụng nhà nghỉ N (*địa chỉ tại tổ 01, phường Đ, thành phố C*) thuộc quyền quản lý của bị cáo để gọi Phạm Thị M là gái bán dâm đến bán dâm cho Đinh Minh H2 tại phòng số 403 nhằm hưởng lợi số tiền 300.000,đ (*ba trăm nghìn đồng*).

Về vật chứng bị thu giữ: Bị cáo khai đã nhận với Đinh Minh H2 200.000,đ (*hai trăm nghìn đồng*) tiền công. Ngoài ra, bị cáo thỏa thuận với Phạm Thị M, sau khi bán dâm M sẽ trả cho bị cáo số tiền 100.000,đ (*một trăm nghìn đồng*). Tuy nhiên, số tiền này bị cáo chưa nhận được do hành vi mua bán dâm của Phạm Thị M và Đinh Minh H2 đã bị cơ quan điều tra phát hiện và xử lý. Bị cáo thừa nhận được sử dụng chiếc điện thoại nhãn hiệu Samsung màu xanh để liên hệ với Phạm Thị M đến nhà nghỉ N bán dâm, đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết theo quy định của pháp luật. Đối với những tài sản khác không liên quan đến hành vi phạm tội đã được Cơ quan điều tra trả lại, bị cáo không có ý kiến gì.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Phạm Thị M, Đinh Minh H2, Bùi Thị M đều có đơn xin xét xử vắng mặt.

Tại đơn xin xét xử vắng mặt, anh Đinh Minh H2, chị Phạm Thị M xác nhận, trong quá trình điều tra, cơ quan điều tra đã trả lại cho anh H2 01 (*một*) điện thoại di động nhãn hiệu Huawei Mate 20 Pro màu xanh đen; trả lại cho chị M 01 (*một*)

điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 7 Plus màu vàng. Đối với số tiền bị thu giữ 1000.000,đ (*một triệu đồng*) tại phòng số 403, nhà nghỉ N, anh H2 xác nhận trong đó có 600.000,đ (*sáu trăm nghìn đồng*) là tiền cả hai thỏa thuận mua bán dâm, đề nghị xử lý theo quy định của pháp luật. Số tiền 400.000,đ (*bốn trăm nghìn đồng*), anh Đinh Minh H2 không yêu cầu được trả lại, tự nguyện sung vào công quỹ Nhà nước.

Chị Bùi Thị N khai nhận đã cho bị cáo Trần Bế H thuê lại nhà nghỉ từ tháng 8/2024 và không biết việc bị cáo có hành vi vi phạm pháp luật. Đối với các giấy tờ liên quan đến nhà nghỉ N gồm 01 (*một*) giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, hộ kinh doanh; 01 (*một*) giấy chứng nhận đủ điều kiện về an ninh, trật tự, chị đã được nhận lại nên không có ý kiến gì.

Tại phiên tòa, người làm chứng Trương Thị L khai chị là vợ của bị cáo. Nhà nghỉ N do hai vợ chồng cùng quản lý và kinh doanh. Tuy nhiên vào thời điểm hồi 02 giờ 15 phút ngày 17/12/2024, chị L đang ngủ cùng với con tại phòng ngủ nên không biết việc bị cáo sử dụng nhà nghỉ để thực hiện hành vi chứa mại dâm.

Kết thúc việc hỏi tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố C, tỉnh Cao Bằng tham gia phiên tòa giữ nguyên quan điểm truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng khoản 1 Điều 327; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 65 của Bộ luật Hình sự, xử phạt: Bị cáo Trần Bế H từ 15 đến 18 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 30 đến 36 tháng.

Về hình phạt bổ sung: Không đề nghị áp dụng.

Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 của Bộ luật Hình sự, khoản 2 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự:

Tịch thu tiêu hủy đồ vật không còn giá trị sử dụng.

Tịch thu phát mại sung công quỹ Nhà nước: 01 (*một*) điện thoại di động nhãn hiệu Samsung SM-J610F/DS màu xanh, loại màn hình cảm ứng.

Tịch thu sung công quỹ Nhà nước: Số tiền 1.200.000,đ (*Một triệu hai trăm nghìn đồng*).

Về án phí: Buộc bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định.

Tại phần tranh luận, bị cáo không có ý kiến tranh luận với lời luận tội của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố C.

Khi được nói lời sau cùng, bị cáo đề nghị hội đồng xét xử xem xét cho bị cáo được hưởng án treo để bị cáo có cơ hội sửa chữa sai lầm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tính hợp pháp của những chứng cứ, tài liệu do cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố C, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố C, Kiểm sát viên thu thập và hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, bị cáo và người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về những chứng cứ, tài liệu đã thu thập, cung cấp cũng như hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng như đã nêu trên. Do đó, những chứng cứ, tài liệu đã được thu thập và hành vi, quyết định tố tụng của các cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Xét hành vi phạm tội của bị cáo: Trong giai đoạn điều tra và phiên tòa, bị cáo Trần Bế H đều thừa nhận hành vi phạm tội, cáo trạng truy tố bị cáo về tội danh và điều luật trên là đúng hành vi bị cáo đã thực hiện.

Lời khai nhận tội của bị cáo hoàn toàn phù hợp với biên bản sự việc do Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố C lập hồi 02 giờ 15 phút ngày 17 tháng 12 năm 2024; phù hợp với biên bản khám xét của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố C hồi 03 giờ 20 phút ngày 17 tháng 12 năm 2024 đối với bị cáo; phù hợp với các biên bản kiểm tra điện thoại, lời khai của bị cáo và những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan cùng các tài liệu, chứng cứ thu thập được trong quá trình điều tra vụ án.

Xét thấy các tài liệu, chứng cứ được Cơ quan điều tra thu thập là khách quan và đúng trình tự thủ tục Tố tụng hình sự, có đủ căn cứ để kết luận: Bị cáo có hành vi sử dụng nhà nghỉ N (*địa chỉ: tổ 01, phường Đ, thành phố C, tỉnh Cao Bằng*) thuộc quyền quản lý của H để gọi Phạm Thị M là gái bán dâm đến bán dâm cho Đinh Minh H2 tại phòng số 403 nhằm mục đích hưởng lợi số tiền 300.000,đ (*ba trăm nghìn đồng*).

Do vậy, Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thành phố C, tỉnh Cao Bằng truy tố Trần Bế H về tội “*Chứa mại dâm*” quy định tại khoản 1 Điều 327 Bộ luật Hình sự là có căn cứ pháp luật.

Khi thực hiện hành vi phạm tội, bị cáo có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, thực hiện tội phạm với lỗi cố ý trực tiếp. Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, trái với thuần phong mỹ tục của dân tộc. Hành vi đó đã tiếp tay cho tệ nạn xã hội phát triển, ảnh hưởng xấu đến đời sống vật chất và văn hóa, trật tự an toàn

xã hội nên cần xử lý nghiêm khắc để làm gương cho người khác, đồng thời phục vụ công tác phòng ngừa, đấu tranh chống tội phạm ở địa phương.

[3] Về nhân thân, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Về nhân thân: Bị cáo có nhân thân tốt, phạm tội lần đầu, không có tiền án, tiền sự.

Về tình tiết tăng nặng: Bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào theo quy định tại Điều 52 Bộ luật Hình sự.

Về tình tiết giảm nhẹ: Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình; trong quá trình sinh sống tại địa phương, bị cáo luôn có thái độ nghiêm chỉnh chấp hành pháp luật được Ủy ban nhân dân xã T, huyện C1 xác nhận. Do đó, bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

[4] Về hình phạt chính:

Hành vi phạm tội của bị cáo là nghiêm trọng. Căn cứ vào tính chất, mức độ thực hiện tội phạm và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo, Hội đồng xét xử xét thấy cần có mức án nghiêm khắc tương xứng với tính chất mức độ của hành vi phạm tội mà bị cáo đã thực hiện.

Tuy nhiên, bị cáo có nhân thân tốt, phạm tội lần đầu, có 02 tình tiết giảm nhẹ, không có tình tiết tăng nặng, có nơi cư trú rõ ràng, đủ điều kiện được hưởng án treo theo quy định của Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15 tháng 5 năm 2018 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao H2 dẫn áp dụng Điều 65 của Bộ luật hình sự về án treo. Mặt khác, việc cho bị cáo hưởng án treo không làm ảnh hưởng xấu đến trật tự an toàn xã hội tại địa phương mà vẫn đảm bảo được tính răn đe, giáo dục riêng và phòng ngừa chung.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố C, tỉnh Cao Bằng đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng hình phạt tù nhưng cho hưởng án treo đối với bị cáo. Mức án theo đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ, phù hợp quy định của pháp luật nên cần chấp nhận.

[5] Về hình phạt bổ sung:

Theo quy định tại khoản 5 Điều 327 Bộ luật Hình sự, bị cáo còn có thể phải chịu hình phạt bổ sung là phạt tiền. Qua đánh giá điều kiện, hoàn cảnh của bị cáo, Hội đồng xét xử xét thấy không cần thiết áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[6] Về việc xử lý vật chứng:

Ngày 18/02/2025, Công an thành phố C đã trả lại cho bị cáo: 01 (một) giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, hộ kinh doanh; 01 (một) giấy chứng nhận đủ điều

kiện về an ninh, trật tự; 05 (năm) bao cao su nhãn hiệu Condom hualei, chưa sử dụng; 01 (một) bao cao su nhãn hiệu 0k chưa sử dụng; 01 (một) ví da màu nâu; 01 (một) thẻ nhớ 4GB màu đen; Trả cho Phạm Thị M 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 7 Plus màu vàng; Trả cho Đinh Minh H201 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Huawei Mate 20 Pro màu xanh đen. Xét thấy những tài sản, đồ vật không liên quan đến hành vi phạm tội của bị cáo, Cơ quan điều tra đã trả lại cho bị cáo và người liên quan là có căn cứ.

Cần tịch thu tiêu hủy vật chứng là đồ vật không còn giá trị sử dụng; tịch thu, phát mại sung công quỹ Nhà nước tài sản liên quan đến hành vi phạm tội là 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Samsung SM-J610F/DS màu xanh, loại màn hình cảm ứng thu giữ của bị cáo.

Đối với số tiền 200.000,đ (hai trăm nghìn đồng) thu giữ của bị cáo và 1.000.000,đ (một triệu đồng) thu giữ tại phòng 403 nhà nghỉ N, trong đó có 600.000,đ (sáu trăm nghìn đồng) là số tiền M và H2 thỏa thuận mua bán dâm, 200.000,đ (hai trăm nghìn đồng) là tiền công H2 trả cho bị cáo để gọi Phạm Thị M đến bán dâm cho H2, đây là số tiền liên quan đến hành vi phạm tội nên cần tịch thu sung công quỹ Nhà nước. Số tiền còn lại 400.000,đ (bốn trăm nghìn đồng), tại đơn xin xét xử vắng mặt, anh H2 tự nguyện sung công quỹ Nhà nước, không yêu cầu được trả lại. Hội đồng xét xử xét thấy có căn cứ chấp nhận đề nghị của anh Đinh Minh H2.

[7] Về nghĩa vụ chịu án phí:

Buộc bị cáo thực hiện nghĩa vụ nộp án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[8] Về quyền kháng cáo:

Bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

[9] Về các vấn đề khác của vụ án:

Đối với Phạm Thị M có hành vi bán dâm cho Đinh Minh H2 tại nhà nghỉ thuộc quản lý của bị cáo Trần Bé H. Công an thành phố C, tỉnh Cao Bằng đã ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 08 ngày 10/01/2025 bằng hình thức phạt tiền, mức phạt 350.000,đ (ba trăm năm mươi nghìn đồng).

Đối với Đinh Minh H2 có hành vi mua dâm Phạm Thị M tại nhà nghỉ của Trần Bé H, Công an thành phố C, tỉnh Cao Bằng đã ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 07 ngày 10/01/2025 bằng hình thức phạt tiền, mức phạt 1.500.000,đ (một triệu năm trăm nghìn đồng).

Đối với bà Bùi Thị Ánh N: Bà N cho bị cáo thuê nhà nghỉ N và giao toàn quyền quản lý cho H. Việc H kinh doanh và sử dụng nhà nghỉ N để chứa mại dâm thì bà N không biết và không được hưởng lợi ích gì cho nên không có căn cứ để xử lý đối với bà N.

Đối với bà Trương Thị L, vợ của bị cáo Trần Bế H: Nhà nghỉ N do H và L cùng quản lý và kinh doanh. Tuy nhiên vào thời điểm hồi 02 giờ 15 phút ngày 17/12/2024, L đang ngủ cùng với con tại phòng ngủ. L không biết và không được hưởng lợi từ việc H sử dụng nhà nghỉ để thực hiện hành vi chứa mại dâm cho nên không có căn cứ để xử lý đối với Trương Thị L.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

1. Tuyên bố: Bị cáo **Trần Bế H** phạm tội: “*Chứa mại dâm*”.

Áp dụng khoản 1 Điều 327; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 65 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (*sửa đổi, bổ sung năm 2017*).

Xử phạt: Bị cáo Trần Bế H 18 tháng tù nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 36 tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân xã C1, huyện T, tỉnh Cao Bằng giám sát và giáo dục trong thời gian thử thách.

Trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định của pháp luật về thi hành án hình sự. Trong thời gian thử thách người được hưởng án treo có ý vi phạm nghĩa vụ 02 (*hai*) lần trở lên thì Tòa án có thể buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

2. Việc xử lý vật chứng:

Áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự năm 2015 (*sửa đổi, bổ sung năm 2017*); Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự. Xử:

Tịch thu tiêu hủy:

- 01 (*một*) bao cao su chưa qua sử dụng, vỏ màu xám vàng, trên bao bì có chữ “Let us protect you”;

Tịch thu phát mại sung công quỹ Nhà nước:

- 01 (*một*) điện thoại di động nhãn hiệu Samsung SM-J610F/DS màu xanh, loại màn hình cảm ứng, có số IMEI1 (*Theo quyết định chuyển vật chứng*): 352812104733813; điện thoại cũ đã qua sử dụng, màn hình bị rạn, nứt. Do điện thoại không khởi động được nên không kiểm tra được thực tế số IMEI trong máy.

Tịch thu sung công quỹ Nhà nước:

- Tiền Việt Nam: 1.200.000,đ (một triệu hai trăm nghìn đồng). Cơ quan Công an tỉnh Cao Bằng đã chuyển số tiền trên vào tài khoản: 3949.0.1035584.00000 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố C mở tại kho bạc Nhà nước tỉnh Cao Bằng theo Giấy nộp tiền ngày 12/3/2025.

Xác nhận số vật chứng trên đã được chuyển giao cho Chi cục Thi hành án dân sự thành phố C, tỉnh Cao Bằng theo biên bản giao nhận vật chứng số: 65 ngày 12 tháng 3 năm 2025.

3. Về án phí:

Áp dụng Điều 135, khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng Hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Buộc bị cáo Trần Bế H phải chịu 200.000đ (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm để sung công quỹ Nhà nước.

4. Về quyền kháng cáo:

Áp dụng Điều 331, Điều 332, Điều 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

Bị cáo có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo phần bản án trực tiếp liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của mình trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Cao Bằng;
- Công an tỉnh Cao Bằng;
- Sở Tư pháp Cao Bằng;
- VKSND thành phố C;
- Công an thành phố C;
- CCTHADS thành phố C;
- UBND xã C1;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu HS vụ án;
- Lưu án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Hoàng Thị Hoài Anh